

QUYẾT ĐỊNH

Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn và tỷ lệ đối ứng thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; bãi bỏ điểm c, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 198/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Châu thành
tại Tờ trình số: 658 /TTr-TCKH ngày 24 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước như sau:

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025: 186.725 triệu đồng. Trong đó:

1. Ngân sách địa phương: 144.425 triệu đồng, gồm:

a. Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu xây dựng nông thôn mới: 75.805 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư mới xã An Cơ: 30.805 triệu đồng/29 dự án.

- Duy trì nâng cao chất lượng tiêu chí: 45.000 triệu đồng (Hòa Thạnh, Ninh Điền, Phước Vinh, Hòa Hội, Thành Long, Biên Giới, Hảo Đức).

b. Vốn xây dựng cơ bản tập trung huyện: 68.620 triệu, bao gồm:

- Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách 3.500 triệu đồng.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 65.120 triệu đồng.

2. Ngân sách Trung ương: 42.300 triệu đồng.

- Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới: 42.300 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục chi tiết)

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước được giao tại Điều 1 Quyết định này, Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện:

1. Phân khai chi tiết Kế hoạch đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 đúng quy định, hiệu quả, tuân thủ điều kiện, thủ tục, thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025 để phát huy hiệu quả đầu tư;

c) Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng nguồn vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ khác, phát triển thành phố/thị xã (chính trang đô thị); Hỗ trợ Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã; Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất giáo dục;

d) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; trong đó phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư;

đ) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. trong đó ưu tiên cho các dự án đã có đủ thủ tục đầu tư, được chuẩn bị kỹ để sẵn sàng triển khai thực hiện;

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án có khối lượng thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao cho các dự án có khối lượng thực hiện cao hơn kế hoạch vốn được giao;

2. Trình tự phân khai kế hoạch vốn năm 2025 như sau:

- Vốn Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện dự thảo Quyết định lấy ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, sau khi có ý kiến thống nhất, Phòng Tài chính – Kế hoạch hoàn chỉnh quyết định trình Ủy ban nhân dân huyện phân khai chi tiết cho chủ đầu tư triển khai thực hiện.

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung huyện: trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư, Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quyết định phân khai chi tiết cho chủ đầu tư triển khai thực hiện, trong đó thứ tự ưu tiên bố trí vốn đảm bảo theo khoản 1 Điều 2 Quyết định này, tập trung đối ứng xây dựng nông thôn mới, các dự án chuyển tiếp năm 2024 chuyển sang năm 2025, không để phát sinh nợ đọng trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ trưởng các Phòng, Ban: Phòng Tài Chính - Kế Hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 đúng quy định.

2. Các chủ đầu tư sử dụng Kế hoạch đầu tư công năm 2025 có trách nhiệm xác định khối lượng thực hiện dự án, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) phân khai chi tiết kế hoạch vốn được quy định tại Điều 2 Quyết định này và cung cấp đầy đủ hồ sơ đối với các dự án đề nghị bố trí kế hoạch vốn năm 2025 đúng quy định.

3. Yêu cầu Thủ trưởng các Phòng, Ban và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý vốn chặt chẽ, hiệu quả, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Kho bạc nhà nước Châu Thành, Thủ trưởng các Phòng, ban có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các đơn vị sử dụng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT. HĐND, UBND;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND huyện.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Ân



BIỂU I

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số 5108/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

I.4	Đề án Công An xã	38.269	38.269	30.143	30.143	3.449	3.449	-	3.449	-	-	3.449	
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2025	38.269	38.269	30.143	30.143	3.449	3.449		3.449		-	3.449	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025												
I.5	Đề án giáo dục	19.441	19.441	16.360	16.360	1.085	1.085	-	1.085	-	-	1.085	
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2025	19.441	19.441	16.360	16.360	1.085	1.085		1.085			1.085	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025												
II	VỐN XDCB TẬP TRUNG HUYỆN	132.342	132.342	70.375	70.375	47.004	47.004	-	37.970	-	-	37.970	
1	Chi Ủy thác qua ngân hàng chính sách	9.300	9.300	5.800	5.800	3.500	3.500		3.500			3.500	
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2025	97.823	97.823	64.575	64.575	18.759	18.759		18.759			18.759	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025	25.219	25.219			24.745	24.745		15.711			15.711	

BIỂU II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(kèm theo Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025			Ghi chú				
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN					
														Tổng số		Tổng số	Trong đó:		
																	NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
Tổng cộng								275.358	79.349	79.350	173.336	173.338	135.421	42.300	75.805	17.096			
I	Xây dựng xã đạt chuẩn NTM							215.393	79.349	79.350	113.458	113.460	84.036	42.300	30.805	10.711			
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							103.070	79.349	79.350	6.094	6.094	5.603	1.400	0	3.983			
1	Đường tổ 5, 8, 9 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1,5 km láng nhựa, mặt 5,5m, nền 7,5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	587/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	4.476	3.700	3.701	700	700	700				700			
2	Đường tổ 13, 4, 9 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1,28 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 6,5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	586/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.182	2.550	2.550	250	250	250				250			
3	Đường liên ấp Long Phú - Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng dài 3,37Km Gồm: Dài 2,73 km láng nhựa, mặt 5,5m, nền 7,5m; 0,16 km cấp phối đá dăm, mặt 4m; 0,49 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	604/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	11.198	10.094	10.094	155	155	155				155			
4	Đường KDC tổ 6 đến tổ 11 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1,09 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 6,5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	598/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.509	3.000	3.000	389	389	-							
5	Đường tổ 19, 20 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 2,95 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 6,5	xã Long Vĩnh	2023-2025	591/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.805	310	310	310	310	310				310			
6	Đường tổ 4, 5 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1,12 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 6,5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	601/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.083	2.600	2.600	126	126	126							
7	Đường tổ 1, 2, 3 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1,16 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 6,5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	597/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.126	2.700	2.700	150	150	150				150			
8	Đường tổ 12, 13, 14 ấp Long Chân và tổ 17, 18 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng dài 3,15Km Gồm: Dài 1,96 km láng nhựa mặt 3,5m, nền 6,5m; 0,56 km cấp phối đá dăm, mặt 4m; 0,63 km sỏi đỏ, mặt 6m	xã Long Vĩnh	2023-2025	596/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.174	4.700	4.700	600	600	600				600			

9	Đường tổ 3 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 0,99 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	606/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.101	938	938	6	6	6				
10	Đường tổ 5, 4, 9 ấp Long Châu và tổ 1, 2, 3 ấp Long Chấn, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng dài 2,7Km Gồm: Dài 0,78 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 5m; 1,11 km cấp phối đá dăm mặt 5m; 0,81 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	589/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	4.684	3.800	3.800	210	210	210			210	
11	Đường tổ 5, 7, 8 ấp Long Chấn, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng dài 1,17Km Gồm: Dài 0,31 km láng nhựa mặt 3,5m, nền 5m; 0,86 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	592/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.202	1.800	1.800	90	90	90			90	
12	Đường tổ 2 ấp Long Phú và tổ 1, 3 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 0,89 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	605/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.142	957	957	6	6	6				
13	Đường tổ 4, 5 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 0,83 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	588/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	941	765	765	86	86	86			86	
14	Đường tổ 5, 6, 7 ấp Long Phú và tổ 7, 9, 13 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 2,13 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	602/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.467	1.900	1.900	72	72	72				
15	Đường liên tổ 11 ấp Long Phú - Long Đại và đường số 1, 2 tổ 11, ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 0,56 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	603/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.300	870	870	11	11	11				
16	Đường tổ 1, 6, 7, 8 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng dài 2,56Km Gồm: Dài 0,16 km láng nhựa, mặt 3,5m, nền 5m; 0,42 km cấp phối đá dăm, mặt 5m; 1,98 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	599/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	5.371	4.072	4.072	150	150	150			150	
17	Đường tổ 7, 13 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 0,87 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	582/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	924	755	755	81	81	81			81	
18	Đường tổ 13, 15 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng dài 1,15Km Gồm: Dài 0,69 km sỏi đỏ, mặt 5m; 0,45 km cấp phối đá dăm, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	600/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.456	1.875	1.875	160	160	160			160	
19	Đường tổ 1, 2 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 0,97 km sỏi đỏ, mặt 5m	xã Long Vĩnh	2023-2025	585/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.351	1.131	1.131	10	10	10			10	
20	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng, xã Long Vĩnh.	Ban QLDA ĐTXD	Cải tạo hội trường 250 chỗ, thiết bị, sân nền, cải tạo hàng rào mặt trước, cải tạo 05 phòng chức,	xã Long Vĩnh	2023-2025	QĐ số 232/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	5.000	4.300	4.300	180	180	180			180	
21	Xây dựng nhà văn hóa ấp Long Chấn, xã Long Vĩnh.	Ban QLDA ĐTXD	xây mới hội trường 100 chỗ và thiết bị,	xã Long Vĩnh	2023-2025	QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 16/02/2023	688	450	450	67	67	4			4	
22	Xây dựng nhà văn hóa ấp Long Phú, xã Long Vĩnh.	Ban QLDA ĐTXD	xây mới hội trường 100 chỗ và thiết bị,	xã Long Vĩnh	2023-2025	QĐ số 51/QĐ-UBND ngày 21/02/2023	700	450	450	38	38	-			0	
23	Nâng cấp, cải tạo Trạm Y tế xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Nâng cấp, cải tạo	xã Long Vĩnh	2023-2025	QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 08/03/2023	857	800	800	5	5	5			5	

24	Sửa chữa Chợ xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Nâng cấp, cải tạo	xã Long Vĩnh	2023-2025	QĐ số 262/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	505	400	400	15	15	15			15	
25	Trường Tiểu học Giồng Nần	Ban QLDA ĐTXD	Xây mới khối phòng chức năng và 06 phòng học lầu	xã Long Vĩnh	2023-2025	217/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	7.340	7.000	7.000	37	37	37			37	
26	Trường mẫu giáo Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	xây mới dãy phòng chức năng (trệt), nhà bảo vệ, nhà xe, sân nền, PCCC, mương thoát nước, thiết bị	xã Long Vĩnh	2023-2025	433/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	7.500	6.322	6.322	350	350	350			350	
27	Trường Tiểu học Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	xây mới dãy phòng chức năng (trệt), nhà bảo vệ, nhà xe, sân nền, PCCC, mương thoát nước, thiết bị	xã Long Vĩnh	2023-2025	434/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	14.987	11.110	11.110	1.840	1.840	1.840	1.400		440	
(2)	Dự án đầu tư mới năm 2025 (xã An Cơ/29 dự án)						112.323	-	-	107.364	107.366	78.433	40.900	30.805	6.728	
	Giao thông (18 dự án)						51.773	-	-	51.773	51.773	39.395	19.300	14.700	5.395	
1	Đường tổ 5 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.499,94m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m (3kg/m ²); lề đường sỏi đỏ rộng 0,75m×2	xã An Cơ	2024-2026	570/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.263			3.263	3.263	2.500	1000	1.000	500	
2	Đường thánh thất ấp Sa Nghe xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 2.669m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m (3kg/m ²); lề đường sỏi đỏ rộng 0,75m×2	xã An Cơ	2024-2026	554/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	6.158			6.158	6.158	4.800	4000	0	800	
3	Đường tổ 14-15 An Lộc xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Tổng chiều dài: 2.550m, trong đó Tuyến tổ 15 dài 1.760m mặt đường láng nhựa rộng 3,5m (3kg/m ²); lề đường sỏi đỏ rộng 0,75m×2; Tuyến tổ 14 dài 790m mặt đường sỏi đỏ rộng 5m	xã An Cơ	2024-2026	531/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.527			2.527	2.527	2.000	1500	0	500	
4	Đường tổ 1, 2 Sa nghe - kênh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.590m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m (3kg/m ²); lề đường sỏi đỏ rộng 0,75m×2	xã An Cơ	2024-2026	574/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.750			3.750	3.750	3.000	2500	0	500	
5	Đường tổ 9 An Lộc - đường lò sấy thuốc lá xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	- Tổng chiều dài: 3.250m, trong đó Tuyến tổ 9 dài 2.270m mặt đường láng nhựa rộng 3,5m (3kg/m ²); lề đường sỏi đỏ rộng 0,75m×2; Tuyến lò sấy thuốc lá dài 980m mặt đường sỏi đỏ rộng 5m	xã An Cơ	2024-2026	528/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.530			2.530	2.530	2.000	0	1.500	500	
6	Đường số 3-5-6 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 670m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	495/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.162			1.162	1.162	1.100	0	1.000	100	
7	Đường số 8-9-10-12-13-14 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.921m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	498/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	3.648			3.648	3.648	2.800	2300	0	500	
8	Đường số 15-16-18-19 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 942m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	497/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.857			1.857	1.857	1.300	0	1.000	300	
9	Đường số 21-22-23 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	- Tổng chiều dài: 1.650m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	496/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	2.729			2.729	2.729	2.000	1.000	1.000		
10	Đường số 24-25-26-27-28-29 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.710m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	494/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	2.976			2.976	2.976	2.000	1.000	1.000		

11	Đường số 30-31-32 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 923.54m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	571/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.549			1.549	1.549	1.300	0	1.000	300	
12	Đường số 33-34-35 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.004,34m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	572/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.651			1.651	1.651	1.300	0	1.000	300	
13	Đường 38-39-40-41-42-43 ấp An Lộc xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.980m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	530/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.722			3.722	3.722	2.700	1.000	1.000	700	
14	Đường 44-45-46-47-48-49 ấp An Lộc xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.725m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	527/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.127			3.127	3.127	2.700	1.000	1.700		
15	Đường số 52-53-54 ấp An Lộc xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 900m, mặt đường BTXM rộng 4m	xã An Cơ	2024-2026	532/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.618			1.618	1.618	1.300	0	1.000	300	
16	Đường tổ 14 ấp Sa Nghe AHLLVT	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 950m, mặt đường sỏi đỏ rộng 5m	xã An Cơ	2024-2026	575/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.580			1.580	1.580	1.245	0	1.200	45	
17	Đường tổ 9 - đường Lộ kiểm ấp Sa Nghe	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 1.110m, mặt đường sỏi đỏ rộng 5m	xã An Cơ	2024-2026	576/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.426			1.426	1.426	1.350	0	1.300	50	
18	Đường tổ 19, 20 ấp Vĩnh xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 3.179m, mặt đường đá 4x6 (20cm) láng nhựa (3,0kg/m ²) rộng: 3,5m, lề đường sỏi đỏ rộng: 2x0,75m=1,5m	xã An Cơ	2024-2025	536/QĐ-UBND 08/9/2021	6.500			6.500	6.500	4.000	4.000			
Dự án Văn hóa (5 dự án)							7.497	0	0	7.497	7.497	6.300	2000	3.200	1.100	
1	TTVHTTHTCĐ, xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây mới TTVHTTHTCĐ xã An Cơ	xã An Cơ	2024-2026	263/QĐ-UBND 05/7/2024	5.000			5.000	5.000	4.000	2000	2.000		
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp An Lộc, xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây hội trường 100 chỗ, thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	186/QĐ-UBND 08/5/2024	750			750	750	700	0	300	400	
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp Sa Nghe, xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây hội trường 100 chỗ, thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	223/QĐ-UBND 17/6/2024	500			500	500	450	0	300	150	
4	Xây dựng nhà văn hóa ấp An Thọ, xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây hội trường 100 chỗ, thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	224/QĐ-UBND 17/6/2024	500			500	500	450	0	300	150	
5	Xây dựng nhà văn hóa ấp Vĩnh, xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây hội trường 100 chỗ, thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	175/QĐ-UBND 02/5/2024	747			747	747	700	0	300	400	
Giáo dục (04 dự án)							51.436	0	0	46.477	46.477	31.288	19.600	11.455	233	
1	Trường Tiểu học An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây mới khối 15 phòng học lầu + chức năng + hành chính đạt chuẩn; Cải tạo 07 phòng học trệt thành phòng hành chức chức năng; Sửa chữa, nâng cấp nhà xe GV + HS, nhà bảo vệ, cổng hàng rào, sân nền, giếng thu nước, đường nội bộ, trồng cây xanh; Hệ thống + hồ PCCC đạt yêu cầu nghiệm thu; Trang thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	391/QĐ-UBND 01/10/2024	14.677			14.677	14.677	8.400	6.000	2.400		

2	Trường Tiểu học Sa Nghe	Ban QLDA ĐTXD	Cải tạo 08 phòng học lầu, xây mới 02 phòng học lầu + 07 phòng chức năng (trệt), sân vườn. Trang thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	434/QĐ-UBND 16/10/2024	14.959			10.000	10.000	8.400	5.600	2.800		KHĐTC 2021-2025 chỉ bố trí vốn 10 tỷ đồng, phần tăng vốn sẽ bổ sung vào Kế hoạch giai đoạn 2026-2030
3	Trường Mẫu giáo An Cơ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	* Điểm chính: Xây mới dãy phòng chức năng + 02 phòng học. - Xây mới nhà bếp, nhà ăn. - Cải tạo cổng, hàng rào, nhà bảo vệ; Trang thiết bị; Hệ thống PCCC. * Điểm phụ: Cải tạo 02 phòng học hiện trạng.	xã An Cơ	2024-2026	433/QĐ-UBND 16/10/2024	7.800		7.800	7.800	5.400	2.000	3.400			
4	Trường THCS An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Xây mới 02 phòng học lầu + phòng chức năng. Hệ thống PCCC đạt chuẩn Trang thiết bị	xã An Cơ	2024-2026	195/QĐ-UBND 17/5/2024	14.000		14.000	14.000	9.088	6.000	2.855	233		
	Dự án Chợ nông thôn mới (01 dự án)						1.151	0	0	1.151	1.152	1.000	0	1.000	0	
1	Chợ An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Nâng cấp chợ An Cơ: (nâng cấp sân nền, mương thoát nước, chỉnh trang các ki ốt)	xã An Cơ	2024-2026	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.151		1.151	1.152	1.000	0	1.000			
	Y tế (01 dự án)						466	0	0	466	467	450	0	450	0	
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Nâng cấp, cải tạo	Xã An Cơ	2024-2026	24/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	466		466	467	450	0	450			
II	Duy trì nâng chất tiêu chí xây dựng nông thôn mới						59.965	0	0	59.879	59.879	51.385	0	45.000	6.385	
(1)	Xã Hòa Hội						4.911	0	0	4.911	4.911	4.492	0	4.000	492	
1	Đường Hoà Hội 16 ấp Hoà An xã Hoà Hội	Ban QLDA ĐTXD	Dài 800m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m, lề đường 0,75mx2bên	Ấp Hoà An	2024-2026	404/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.642		1.642	1.642	1.492	0	1.300	192		
2	Sân nền, cây xanh, máy tập thể dục và xây mới nhà vệ sinh TTVH HTCD xã Hòa Hội.	Ban QLDA ĐTXD	Xây mới nhà vệ sinh, sân nền BTXM, bồn cây, trồng cây xanh, làm hệ thống tưới cây	Ấp Hòa Bình	2024-2026	413/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	800		800	800	750	0	700	50		
3	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp, xã Hòa Hội	Ban QLDA ĐTXD	- Mái che ấp Bung Rò + Hòa An. - Sân nền hàng rào ấp Hòa An. - Lắp đặt máy tập thể dục 3 ấp.	Xã Hòa Hội	2024-2026	414/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	439		439	439	400	0	400			
4	Cải tạo sân nền Trường THCS Hòa Hội và Trường TH Hòa Hội (Điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD	- Làm thêm sân BTXM + sân Terrazzo. - Lát gạch Terrazzo trên nền BT hiện trạng.	Xã Hòa Hội	2024-2026	415/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	750		750	750	700	0	600	100		
5	Dặm vữa, sửa chữa nổi đường Gò Rắn Hồ ra Bến Trường ấp Hòa Bình, xã Hòa Hội	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1.200m, Dặm vữa đá 0x4	Xã Hòa Hội	2024-2026	406/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	781		781	781	700	0	600	100		

6	Sửa chữa, ban gat các tuyến đường trên địa bàn xã Hòa Hội	Ban QLDA ĐTXD	Các tuyến đường trên địa bàn xã	Xã Hòa Hội	2024-2026	403/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	499			499	499	450	0	400	50	
(2)	Xã Ninh Diên						12.456	0	0	12.456	12.456	10.800	0	10.100	700	
1	Đường từ ĐT.796 đến Bến phà và vào trường THCS Ninh Diên ấp Gò Nổi, xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	ĐT.796 đến Bến phà dài 554m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề đường sỏi đỏ 0,75mx2bên; Đường vào trường THCS Ninh Diên ấp Gò Nổi dài 30m mặt đường BTXM rộng 6,0m	Ấp Gò Nổi	2024-2026	381/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	1.319			1.319	1.319	1.150	0	1.100	50	
2	Đường khu đồng bào dân tộc ấp Bến Cừ, xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	Dài 920m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề đường sỏi đỏ 0,75mx2bên	Ấp Bến Cừ	2024-2026	380/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	2.296			2.296	2.296	1.900	0	1.700	200	
3	Đường từ ĐH18 ra ĐT796 ấp Gò Nổi, xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	Dài 260m, mặt đường BTXM rộng 4,0m	Ấp Gò Nổi	2024-2026	378/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	502			502	502	450	0	400	50	
4	Đường Bàu cây Gáo ấp Bến Cừ xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1.150m, mặt đường láng nhựa 5,0m; lề đường sỏi đỏ 0,75mx2bên	Ấp Bến Cừ	2024-2026	382/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	4.488			4.488	4.488	3.900	0	3.600	300	
5	Đường Xóm Rẫy ấp Gò Nổi xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1000m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m lề 0,75mx2bên	Ấp Gò Nổi	2024-2026	377/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	2.147			2.147	2.147	1.800	0	1.800		
6	Đường 796 đi đường Bàu Cối ấp Gò Nổi xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	Dài 350m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề đường sỏi đỏ 0,75mx2bên	Ấp Gò Nổi	2024-2026	376/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	680			680	680	650	0	600	50	
7	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp và TTVH xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	- Sân nền BTXM + lắp đặt máy tập thể dục 3 ấp - Máy tập TD TTVH xã	Ninh Diên	2024-2026	385/QĐ-UBND ngày 27/09/2024	471			471	471	450	0	400	50	
8	Sửa chữa, ban gat các tuyến đường trên địa bàn xã Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	Các tuyến đường trên địa bàn xã	Ninh Diên	2024-2026	379/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	553			553	553	500	0	500		
(3)	Xã Biên Giới						9.284	0	0	9.284	9.284	8.000	0	7.450	550	
1	Đường từ HL12 đi Gò Ván Hương, xã Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	Dài 995m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75mx2bên	Xã Biên Giới	2024-2026	407/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	2.268			2.268	2.268	1.900	0	1.500	400	
2	Đường từ HL18 ra bến phà Bực Lở, xã Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	Dài 2,340m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75mx2bên	Xã Biên Giới	2024-2026	408/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	4.690			4.690	4.690	4.000	0	4.000		

3	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp và TTVH xã Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	- Sân nền BTXM, hàng rào lưới B40, mái che, lắp đặt máy tập thể dục 3 ấp Tân Định, Tân Long, Rach Tre - Máy tập TD TTVH xã	Xã Biên Giới	2024-2026	416/QĐ-UBND 14/10/2024	946			946	946	850	0	800	50	
4	Xây mới nhà văn hóa ấp Bến Cầu (bao gồm sân nền, hàng rào, mái che, máy tập thể dục)	Ban QLDA ĐTXD	- Xây mới NVH 100 chỗ ngồi. - Sân nền BTXM, hàng rào lưới B40, mái che, lắp đặt máy tập thể dục	Xã Biên Giới	2024-2026	412/QĐ-UBND 09/10/2024	899			899	899	800	0	700	100	
5	Sửa chữa, ban gat các tuyến đường trên địa bàn xã Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	Các tuyến đường trên địa bàn xã	Xã Biên Giới	2024-2026	431/QĐ-UBND 14/10/2024	481			481	481	450	0	450		
(4)	Xã Hòa Thạnh						11.651	0	0	11.651	11.651	10.000	0	8.200	1.800	
1	Đường DA52 ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 270,61m; mặt đường láng nhựa 3,5m; lề đường 0,75m x 2 bên	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	417/QĐ-UBND 14/10/2024	564			564	564	450	0	400	50	
2	Đường DA4 ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 318m, mặt đường BTXM rộng 4,0m	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	418/QĐ-UBND 14/10/2024	594			594	594	550	0	500	50	
3	Đường tổ 7 ấp Hiệp Thành, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 1.793,87m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75mx2bên	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	419/QĐ-UBND 14/10/2024	3.095			3.095	3.095	2.500	0	2.000	500	
4	Đường DA53 ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 417,89m; mặt đường láng nhựa 3,5m; lề đường 0,75m x 2 bên	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	420/QĐ-UBND 14/10/2024	945			945	945	850	0	650	200	
5	Đường ND62 ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 570m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75mx2bên	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	394/QĐ-UBND 02/10/2024	1.299			1.299	1.299	1.100	0	800	300	
6	Đường ND65 ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 680m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75mx2bên	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	393/QĐ-UBND 02/10/2024	1.549			1.549	1.549	1.300	0	1.200	100	
7	Đường ND66 ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 433m, mặt đường láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75mx2bên	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	392/QĐ-UBND 02/10/2024	991			991	991	900	0	700	200	
8	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp và TTVH xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	- Sân nền 4 ấp. - Hàng rào: ấp Hiệp Bình + mặt tiền ấp Hòa Hợp (2 ấp H.Phước + H. Thành đã có) - Mái che 4 ấp. - Lắp đặt máy tập thể dục 4 ấp	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	386/QĐ-UBND 27/9/2024	1.064			1.064	1.064	900	0	800	100	
9	Dặm và sửa chữa đường cánh đồng Tà Êt, đường rạch Lùn, đường Rạch Chích, đường Kênh N3 ấp Cây Ói, đường ND68 ấp Hoà Hợp xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 7,820,23m, dặm và ô gà bằng đá 0x4	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	421/QĐ-UBND 14/10/2024	800			800	800	750	0	600	150	
10	Sửa chữa, ban gat các tuyến đường trên địa bàn xã Hòa Thạnh	Ban QLDA ĐTXD	Các tuyến đường trên địa bàn xã	Xã Hòa Thạnh	2024-2026	422/QĐ-UBND 14/10/2024	750			750	750	700	0	550	150	
(5)	Xã Phước Vinh						10.461	0	0	10.364	10.364	8.900	0	7.900	1.000	

1	Đường 34 ấp Phước Thạnh, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 800m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Phước Vinh	2024-2026	423/QĐ-UBND 14/10/2024	1.252			1.252	1.252	1.000	0	1.000		
2	Đường số 2 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 345m; mặt đường BTXM rộng 4,0m	Xã Phước Vinh	2024-2026	424/QĐ-UBND 14/10/2024	707			707	707	650	0	650		
3	Đường số 3 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 666m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Phước Vinh	2024-2026	425/QĐ-UBND 14/10/2024	1.436			1.436	1.436	1.200	0	1.000	200	
4	Đường số 9 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 349m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Phước Vinh	2024-2026	426/QĐ-UBND 14/10/2024	737			737	737	700	0	700		
5	Đường số 5 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 611m; mặt đường BTXM rộng 5,0m	Xã Phước Vinh	2024-2026	427/QĐ-UBND 14/10/2024	1.525			1.525	1.525	1.200	0	1.200		
6	Đường số 7 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 286m; mặt đường BTXM rộng 5,0m	Xã Phước Vinh	2024-2026	428/QĐ-UBND 14/10/2024	631			631	631	650	0	650		
7	Đường số 11, 11a ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Dài 641m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Phước Vinh	2024-2026	429/QĐ-UBND 14/10/2024	1.310			1.310	1.310	1.000	0	800	200	
8	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp và TTVH xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	- Hàng rào ấp P. An + P. Lợi - Mái che 6 ấp (trừ ấp P. Hòa đã có) - Lắp đặt máy tập thể dục 7 ấp và TTVH xã	Xã Phước Vinh	2024-2026	388/QĐ-UBND 01/10/2024	1.198			1.100	1.100	1.000	0	700	300	
9	Xây mới nhà văn hóa ấp Phước Lập (bao gồm sân nền, hàng rào, mái che, máy tập thể dục)	Ban QLDA ĐTXD	- Xây mới NVH 100 chỗ ngồi. - Sân nền BTXM, hàng rào lưới B40, mái che, lắp đặt máy tập thể dục	Xã Phước Vinh	2024-2026	397/QĐ-UBND 08/10/2024	899			900	900	800	0	650	150	
10	Sửa chữa, ban gạt các tuyến đường trên địa bàn xã Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	Các tuyến đường trên địa bàn xã	Xã Phước Vinh	2024-2026	430/QĐ-UBND 14/10/2024	766			766	766	700	0	550	150	
(6)	Xã Thành Long						9.413	0	0	9.424	9.424	7.753	0	6.310	1.443	
1	Đường hẻm số 8 ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 293m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Thành Long	2024-2026	299/QĐ-UBND 25/7/2024	512			512	512	450	0	400	50	
2	Đường hẻm số 10 ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 593m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Thành Long	2024-2026	301/QĐ-UBND 25/7/2024	1.187			1.187	1.187	973	0	930	43	
3	Đường hẻm số 12, ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 421m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Thành Long	2024-2026	300/QĐ-UBND 25/7/2024	739			739	739	700	0	450	250	
4	Đường hẻm số 16 ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 642m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2 bên	Xã Thành Long	2024-2026	303/QĐ-UBND 25/7/2024	1.296			1.296	1.296	950	0	800	150	
5	Đường hẻm số 42 ấp Thành Trung, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 197m; mặt BTXM dày 6,0cm rộng 4,0m	Xã Thành Long	2024-2026	304/QĐ-UBND 25/7/2024	323			323	323	300	0	250	50	
6	Đường hẻm số 29 ấp Thành Tây, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 170m; mặt BTXM dày 6,0cm rộng 5,0m	Xã Thành Long	2024-2026	302/QĐ-UBND 25/7/2024	438			438	438	400	0	400		

7	Đường hẻm số 17, 18a ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	- Hẻm 17 dài 392m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2bên - Hẻm 18 dài 200m; mặt BTXM dày 6,0cm rộng 4,0m	Xã Thành Long	2024-2026	373/QĐ-UBND 24/9/2024	979			979	979	930	0	930		
8	Đường Bàu Tà On, ấp Thành Nam, xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Dài 530m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; lề sỏi đỏ rộng 0,75m x 2bên	Xã Thành Long	2024-2026	374/QĐ-UBND 24/9/2024	1.174			1.174	1.174	700	0	700		
9	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp và TTVH xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	- Sân nền 4 ấp (trừ ấp Thành tân đã có) - Hàng rào 4 ấp (trừ ấp Nam - Bắc Bến Sỏi đã có). - Mái che 3 ấp (trừ ấp Thành Đông + Thành Nam đã có)	Xã Thành Long	2024-2026	327/QĐ-UBND 01/10/2024	1.300			1.300	1.300	1.000	0	600	400	
10	Xây mới mới nhà văn hóa ấp Bắc Bến Sỏi xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	xây mới nhà văn hóa ấp, hàng rào, sân nền, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao.	Xã Thành Long	2024-2026	384/QĐ-UBND 27/9/2024	889			900	900	800		500	300	
11	Sửa chữa, ban gạt các tuyến đường trên địa bàn xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Các tuyến đường trên địa bàn xã	Xã Thành Long	2024-2026	355/QĐ-UBND 30/8/2024	576			576	576	550	0	350	200	
(7)	Xã Hào Đức						1.789	0	0	1.789	1.789	1.440	0	1.040	400	
1	Nối đường từ Trung tâm văn hóa xã đến đường tổ 9 ấp Bàu Sen, xã Hào Đức	Ban QLDA ĐTXD	Chiều dài: 790 m; Mặt đường láng nhựa 3,5m; Lề đường 0,75m x 2bên	Ấp Trường, Bàu Sen	2024-2026	405/QĐ-UBND 09/10/2024	1.789			1.789	1.789	1.440	0	1.040	400	

BIỂU III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU - HỖ TRỢ KHÁC

(kèm theo Quyết định số 3.408/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						NSTW		NGân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Tổng cộng						69.309	69.309	48.739	48.739	7.527	7.527	7.527	-	-	7.527	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025						69.309	69.309	48.739	48.739	7.527	7.527	7.527	-	-	7.527	
1	Nâng cấp đường Huyện 21 - Lộ nam Dương	Ban QLDA ĐTXD	Dài: 4.372,2m. Mặt đường láng nhựa rộng m; lề sỏi đỏ rộng 2x1,0m	Hảo Đức - An Cơ	2022-2024	470/QĐ-UBND 31/10/2022	20.058	20.058	18.700	18.700	690	690	690			690	
2	Nâng cấp đường Huyện 10	Ban QLDA ĐTXD	Dài 3.800m; Mặt đường BTNN rộng 7,0m; Lề sỏi đỏ rộng 2x1,0m	Thanh Điền - An Bình	2022-2024	25/QĐ-UBND 18/01/2023	11.377	11.377	9.560	9.560	10	10	10			10	
3	Xây mới cầu Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD	Chiều rộng mặt đường: 7,0m; Chiều rộng lề đường gia cố (kết cấu như kết cấu mặt đường): 2bên x 2,0m = 4,0m; Chiều rộng lề đường 2bên x 0,5m = 1,0m; Tổng bề rộng nền đường: 12,0m.	xã Hòa Hội -xã Hòa Thanh	2024-2025	422/QĐ-UBND 02/11/2023	37.874	37.874	20.479	20.479	6.827	6.827	6.827			6.827	
(2)	Đề xuất UBND tỉnh tăng kế hoạch trung hạn 2021-2025 sẽ bố trí vốn năm 2025 (nếu có)																
1	Đường huyện 2 (Từ đường huyện 3 đến QL22B)	Ban QLDA ĐTXD	Dài 4,450m, thảm nhựa bê tông mặt đường 7m, lề đường sỏi đỏ rộng: 2x1m=2m. Nền đường rộng 9m		2024-2026	PD chủ trương: 398/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	47.500	47.500									

BIỂU IV
DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
VỐN TÌNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ/THỊ XÃ (CHÍNH TRANG ĐỒ THỊ)
(kèm theo Quyết định số 5108/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Trong đó: vốn NSNN				
							Trong đó: vốn NSNN				Tổng số	Trong đó:	Trong đó:				
													Tổng số	Thanh toán nợ XDCB ⁽⁴⁾	Tổng số		NSTW
	Tổng cộng						20.515	16.330	16.330	1.493	1.493	-	1.493	-	-	1.493	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025						20.515	16.330	16.330	1.493	1.493	-	1.493	-	-	1.493	
1	Làm mới Đường Liên KP1, KP2	Ban QLDA ĐTXD	Chiều dài tuyến 1.979m Mặt đường BTN C12.5 rộng 4m; Lề đường sỏi đỏ 0,5mx2 bên; rộng nền 5m. Hệ thống chiếu sáng Đèn năng lượng mặt trời tại Các giao lộ và đường cong	Thị trấn	2023-2025	27/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	6.788	6.350	6.350	200	200		200			200	
2	Sửa chữa nâng cấp đường Võ Thị Sáu (Đoạn KP2)	Ban QLDA ĐTXD	Chiều dài tuyến 686,41m Mặt đường BTN C12.5 rộng 6m;	Thị trấn	2023-2025	573/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.907	1.580	1.580	30	30		30			30	
3	Đường liên xã Thị trấn - Tri Bình	Ban QLDA ĐTXD	Chiều dài tuyến 588,42m Mặt đường BTN C12.5 rộng 5,5m; Bó vỉa BTXM đá 1x2 0,25mx2 bên; rộng nền 6m. Hệ thống thoát nước dọc tuyến H30,	Thị trấn	2023-2025	29/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	4.553	3.683	3.683	65	65		65			65	
4	Xây dựng chợ KP3 thị trấn Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	Xây mới nhà lồng chợ, nhà điều hành ban quản lý, nhà vệ sinh, công chợ, hệ thống mương thoát nước, đường nội bộ và hệ thống chiếu sáng tổng thể	Thị trấn	2023-2025	122/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	2.297	1.467	1.467	650	650		650			650	
5	Nâng cấp, sửa chữa chợ Khu phố 4 thị trấn Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	- Cải tạo, sửa chữa nhà lồng chợ + Sơn mặt trong, mặt ngoài nhà lồng chợ. + Cải tạo kết cấu nhà lồng chợ. - Xây mới nhà lồng khung thép	Thị trấn	2023-2025	123/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	912	830	830	48	48		48			48	

[illegible]

BIỂU V
DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU - ĐỀ ÁN CÔNG AN XÃ
(kèm theo Quyết định số 7108/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025				Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN							Tổng số	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó:		
																				Tổng số	Tổng số	NSTW
1		3	4	5	7	8	9	10	15	16	17	18	21	22	23	24	25					
	Tổng cộng						38.269	38.269	30.143	30.143	3.449	3.449	3.449	-	-	3.449						
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025						38.269	38.269	30.143	30.143	3.449	3.449	3.449	-	-	3.449						
1	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Biên Giới huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	xã Biên Giới.	Xây mới khối nhà làm việc 01 trệt. Xây mới nhà xe 02 bánh. San lấp, sân nền. Hệ thống điện nước; hạ tầng kỹ thuật.	2023 - 2025	số 584/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.171	3.171	2.950	2.950	104	104	104			104						
2	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Đồng Khởi huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	xã Hòa Hội	Phòng làm việc, phòng họp, phòng tiếp dân, kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, phòng ở CBCS, nhà ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính	2023 - 2025	số 103/QĐ-UBND ngày 09/03/2023	3.157	3.157	3.100	3.100	57	57	57			57						
3	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Ninh Diên huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	xã Ninh Diên	Quy mô: (03 ấp) - Trường CA: 1; Phó CA: 2; CA viên thường trực: 3; CB bán chuyên trách: 6. - XD Khối làm việc (1 trệt): các	2023 - 2025	số 104/QĐ-UBND ngày 09/03/2023	3.163	3.163	3.036	3.036	17	17	17			17						
4	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hòa Thạnh huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	xã Hòa Thạnh	Xây mới khối nhà làm việc 01 trệt 01 lầu. Xây mới nhà xe 02 bánh; cột cờ. Cải tạo nhà nghỉ cán bộ chiến sĩ. Hệ thống điện nước; hạ tầng kỹ thuật.	2023 - 2025	số 583/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.157	3.157	3.000	3.000	18	18	18			18						

BIỂU VI
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU - ĐỀ ÁN GIÁO DỤC
(kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025					Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN							Tổng số	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó:		
																				Tổng số	Tổng số	NSTW
	Tổng cộng						19.441	19.441	16.360	16.360	1.085	1.085	1.085	-	-	1.085						
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2025						19.441	19.441	16.360	16.360	1.085	1.085	1.085	-	-	1.085						
1	Trường trung học cơ sở Thị Trấn	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023 - 2025	552/QĐ-UBND 29/12/2023	2.820	2.820	2.500	2.500	200	200	200			200						
2	Trường tiểu học thị trấn Châu Thành A	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023 - 2025	553/QĐ-UBND 29/12/2023	2.176	2.176	2.030	2.030	50	50	50			50						
3	Trường THCS Võ Văn Truyến	Ban QLDA ĐTXD	Xã Thanh Điền	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023 - 2025	539/QĐ-UBND 29/12/2023	2.602	2.602	2.100	2.100	84	84	34			84						
4	Trường TH Bình Phong	Ban QLDA ĐTXD	Xã Thái Bình	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023 - 2025	529/QĐ-UBND 29/12/2023	2.583	2.583	2.300	2.300	45	45	45			45						
5	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS An Bình	Ban QLDA ĐTXD	xã An Bình	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng 450m2	2023 - 2025	11/QĐ-UBND 19/01/2024	2.302	2.302	1.700	1.700	150	150	150			150						

[illegible]

BIỂU VII
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN NGÂN SÁCH HUYỆN

(kèm theo Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN
	Tổng cộng						132.342	132.342	70.375	70.375	47.004	47.004	37.970	37.970				
1	Chi Ủy thác qua ngân hàng chính sách		NHCS	chi ủy thác			9.300	9.300	5.800	5.800	3.500	3.500	3.500	3.500				
2	Chi đầu tư 100% từ ngân sách huyện						123.042	123.042	64.575	64.575	43.504	43.504	34.470	34.470				
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2025						97.823	97.823	64.575	64.575	18.759	18.759	18.759	18.759	-			
1	Sửa chữa, cải tạo chợ Ninh Diên	Ban QLDA ĐTXD	xã Ninh Diên	cải tạo , sửa chữa	2023-2025	22/QĐ-UBND 30/01/2024	1.464	1.464	900	900	294	294	294	294				
2	Sửa chữa chợ Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	xã Biên Giới	Xây dựng mới	2022-2024	791/QĐ-UBND 31/12/2021	2.948	2.948	2.430	2.430	250	250	250	250				
3	Sửa chữa, cải tạo Chợ Phước Vinh	Ban QLDA ĐTXD	xã Phước Vinh	sửa chữa, cải tạo	2023-2025	21/QĐ-UBND 30/1/2024	2.413	2.413	2.100	2.100	77	77	77	77				
4	Sửa chữa, nâng cấp Công viên xã Thanh Diên	Ban QLDA ĐTXD	xã Thanh Diên	Sân nền, đường nội bộ, Cây xanh, tiểu cảnh, hệ thống tưới; Hàng rào xung quanh; Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phụ vụ công cộng	2022-2024	271/QĐ-UBND 16/05/2022	1.921	1.921	1.815	1.815	15	15	15	15				
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.786 đến đường tổ 4-5-6 ấp Thanh Thuận, xã Thanh Diên	Ban QLDA ĐTXD	xã Thanh Diên	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng thành đường nhựa, chiều rộng mặt đường 5,0m	2024-2026	555/QĐ-UBND 29/12/2023	1.347	1.347	1.000	1.000	34	34	34	34				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Trong đó: vốn NSNN	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN								Tổng số	Tổng số
6	Nâng cấp Chợ Bến Sỏi xã Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Thành Long	Nâng nền Chợ, làm nhà sắt tiền chế cho tiểu thương, sơn nhà lồng, xây mới nhà vệ sinh	2022-2024	968/QĐ-UBND 31/12/2024	699	699	600	600	21	21	21	21			
7	Cải tạo phòng một cửa UBND huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	Cải tạo phòng phòng 1 cửa UBND huyện	2023-2025	Quyết định 296/QĐ-UBND ngày 19/07/2024;	3.010	3.010	86	86	2.800	2.800	2.800	2.800			
8	Xây mới trụ sở Công an Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn Châu Thành	+ Xây mới nhà làm việc lầu. + Xây mới nhà ăn - ở CBCS trệt. + Xây mới nhà xe khách 02 bánh. + Xây mới nhà tạm giữ phương tiện. + Hàng rào. + Sân nền + mương thoát nước. + Trụ sở. + Hệ thống điện nước.	2024-2026	163/QĐ-UBND, 22/04/2024	4.500	4.500	3.400	3.400	1.000	1.000	1.000	1.000			
9	Nâng cấp trụ sở UBND xã Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	xã Long Vĩnh	Sửa chữa, cải tạo làm phòng làm việc các hội đặc thù hoặc làm nhà kho; Xây mới khối nhà làm việc Hội - đoàn thể, sân đường đi; Cải tạo nhà bếp; Thiết bị: Khối đoàn thể, nhà bếp; Cây xanh: Trồng mới thêm trong khuôn viên; cải tạo bồn hoa giữa sân	2024-2025	QĐ số 48/QĐ-UBND này 16/02/2023	2.100	2.100	1.607	1.607	7	7	7	7			
10	Sửa chữa trạm y tế các xã (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	Thị Trấn, Phước Vĩnh, Hòa Hội, Thanh Điền, Ninh Điền	Cải tạo trạm y tế xã Ninh Điền; Cải tạo trạm y tế xã Hòa Hội; Cải tạo trạm y tế xã Phước Vĩnh; Cải tạo trạm y tế xã Thanh Điền; Cải tạo trạm y tế thị trấn Châu Thành	2024-2025	514/QĐ-UBND 06/9/2021 (CTĐT)	4.415	4.415	2.635	2.635	800	800	800	800			
11	Di tích Căn cứ bộ đội hải ngoại SIVOTHA xã Hòa Hội	Ban QLDA ĐTXD	xã Hòa Hội	- Nâng nền, lát gạch xi măng khu vực xung quanh nhà bia. - Sơn mái ngói, sơn tường nhà bia.	2024-2025	Quyết định 286/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	500	500	265	265	30	30	30	30			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						Tổng số		Tổng số	Trong đó:
12	Nâng cấp đường tổ 3 bên phà ấp Rạch Tre xã Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	Biên Giới	dài 800m, mặt đường sỏi đỏ rộng 5m	2024-2025	444/QĐ-UBND, ngày 14/11/2023	1.700	1.700	1.212	1.212	42	42	42	42			
13	Đường từ Long Vĩnh đi Long Chữ	Ban QLDA ĐTXD	Long Vĩnh	Dài: 3.020m, mặt đường láng nhựa rộng 7m, lề đường sỏi đỏ rộng: 2x1m=2m. Nền đường rộng 9m	2024-2026	578/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	13.584	13.584	9.126	9.126	2.505	2.505	2.505	2.505			
14	Xây dựng kho để vật chất của Đại đội BB40 Ban CHQS huyện	Ban CHQS huyện.	Thành Long	Xây mới	2023-2025	579/QĐ-UBND 29/12/2023	1.052	1.052	868	868	30	30	30,0	30			
15	Cải tạo sửa chữa cổng, hàng rào xung quanh doanh trại Đại đội bộ binh 40	Ban CHQS huyện.	Thành Long	Nâng cấp, sửa sửa	2023-2025	131/QĐ-UBND 26/03/2024	1.204	1.204	1.093	1.093	40	40	40	40			
16	Nâng cấp đường tổ 5 đến tổ 12 ấp Suối Dộp, xã Thái Bình	Ban QLDA ĐTXD	xã Thái Bình	Chiều dài 4.918,15m, láng nhựa rộng 3,5m, lề sỏi đỏ 1,25m x 2	2023-2025	39/QĐ-UBND, 10/02/2023	10.598	10.598	6.754	6.754	1.700	1.700	1.700	1.700			
17	BTXM Hẻm số 3 - QL22B ấp Thanh Phước xã Thanh Điện	Ban QLDA ĐTXD	Xã Thanh Điện	Dài 520m; mặt đường BTXM rộng 4,0m	2024-2026	124/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	1.049	1.049	900	900	22	22	22	22			
18	Sửa chữa Đường từ ĐH7 đi ĐH12 xã Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	xã Biên Giới	Dài khoảng 1,5 km; sửa chữa dầm và ổ gà bằng bê tông đá 1x2 M200, thảm BTN nóng mặt đường những đoạn tuyến hư hỏng nặng, đắp bù sỏi lề.	2024-2026	511/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1.133	1.133	910	910	77	77	77	77			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						Tổng số		Tổng số
19	Sửa chữa, bảo trì Đường huyện 13.	Ban QLDA ĐTXD	xã Hòa Thạnh	Dài khoảng 6.200m, sửa chữa dặm và ổ gà bằng bê tông đá 1x2 M200, thảm bê tông nhựa nóng những vị trí ổ gà, xử lý nền đường thảm BTN nóng và đắp bù sỏi đỏ lề đường đoạn tuyến hư hỏng nặng.	2024-2026	1129/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	1.469	1.469	1.170	1.170	106	106	106	106		
20	Làm đèn đường Ngã 3 sọ đến Trường TTGD thường xuyên huyện	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	Chiều dài tuyến 930m. Xây dựng hệ thống chiếu sáng mới bố trí một bên khoảng 30m 1 trụ. Sử dụng đèn LED 120W.	2024-2026	1129/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	600	600	550	550	30	30	30	30		
21	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường huyện qua xã Hòa Hội, Hòa Thạnh, Biên Giới và Phước Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Các xã Biên Giới, Hòa Hội, Hòa Thạnh, Phước Vĩnh	Quy mô 153 bóng đèn led 90W qua các tuyến đường ĐH7; ĐH23; ĐH12; ĐH17; ĐH14; ĐH 14B; ĐH6; ĐH 6B, Tổng chiều dài khảo sát: 10,666m	2024-2026	1124/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	1.232	1.232	980	980	91	91	91	91		
22	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường qua xã Ninh Điền, Thành Long	Ban QLDA ĐTXD	Ninh Điền, Thành Long	Quy mô 129 bóng đèn led 90W qua các tuyến đường ĐH 18; ĐH 19; ĐH 20; ĐH 22. Tổng chiều dài khảo sát: 7,956m	2024-2026	1125/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	1.008	1.008	810	810	69	69	69	69		
23	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường huyện qua xã Hảo Đức, Trí Bình	Ban QLDA ĐTXD	xã Hảo Đức, Trí Bình	Quy mô 130 bóng đèn led 90W qua các tuyến đường ĐH 1; ĐH 11B; ĐH 3; ĐH 4. Tổng chiều dài khảo sát: 21,100m;	2024-2026	1126/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	1.064	1.064	850	850	75	75	75	75		
24	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường qua xã Thái Bình, Đồng Khởi và An Cơ	Ban QLDA ĐTXD	Thái Bình, Đồng Khởi và An Cơ	Quy mô 149 bóng đèn led 90W qua các tuyến đường liên xã Thái Bình-Thạch Điền, ĐH2; ĐH 16 Tổng chiều dài khảo sát: 8,000m;	2024-2026	1127/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	1.176	1.176	940	940	83	83	83	83		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN
25	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường qua xã An Bình, Thanh Điền và Long Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	An Bình, Thanh Điền và Long Vĩnh	Quy mô 137 bóng đèn led 90W trên các tuyến đường ĐH9, ĐH 10; ĐH25, TL796. Tổng chiều dài khảo sát: 7,000m;	2024-2026	1128/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	1.120	1.120	900	900	76	76	76	76				
26	Sửa chữa cống qua đường trên suối cùng, ấp 1, xã Phước Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD	Phước Vĩnh	sửa chữa tương đầu, tường cánh cống thượng lưu; đắp đất đầu cống	2024-2026	194/QĐ-UBND ngày 16/05/2024	500	500	400	400	70	70	70	70				
27	Nâng cấp, cải tạo văn phòng ấp Long Đại	Ban QLDA ĐTXD	Long Vĩnh	cải tạo văn phòng; Xây mới nhà vệ sinh; Thiết bị;	2024-2026	171/QĐ-UBND ngày 26/04/2024	280	280	250	250	7	7	7	7				
28	Xây mới văn phòng khu phố 4 thị trấn Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn Châu Thành	xây mới văn phòng KP, nâng nền, lát gạch, hàng rào, thiết bị	2024-2025	17/QĐ-UBND 24/01/2024	1.241	1.241	1.173	1.173								
29	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước Đường vào Ban Chỉ huy quân sự thị trấn	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn Châu Thành	Cải tạo sửa chữa	2024-2025	596/QĐ-UBND 14/10/2021	507	507	473	473								
36	Hệ thống PCCC Trường mẫu giáo Đồng Khởi	Ban QLDA ĐTXD	Đồng Khởi	Hệ thống pccc	2024-2025	241/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.627	1.627	1.000	1.000	500	500	500	500				
30	Hệ thống PCCC Trường MG Biên Giới	Ban QLDA ĐTXD	Biên giới	Hệ thống pccc	2024-2025	239/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.482	1.482	1.000	1.000	350	350	350	350				
35	Hệ thống PCCC Trường mẫu giáo An Bình	Ban QLDA ĐTXD	An Bình	Hệ thống pccc	2024-2025	258/QĐ-UBND ngày 04/07//2024	1.505	1.505	1.200	1.200	200	200	200	200				
32	Hệ thống PCCC Trường mẫu giáo Thanh Điền - Cơ sở 1	Ban QLDA ĐTXD	Thanh Điền	Hệ thống pccc	2024-2025	240/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.537	1.537	1.200	1.200	208	208	208	208				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Trong đó: vốn NSNN	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN								Tổng số	Tổng số
33	Hệ thống PCCC Trường THCS Võ Văn Truyen	Ban QLDA ĐTXD	Thanh Điền	Hệ thống pccc	2024-2025	260/QĐ-UBND ngày 04/07/2024	2.045	2.045	1.368	1.368	500	500	500	500			
31	Hệ thống PCCC Trường mầm non Trung Vương	Ban QLDA ĐTXD	thị trấn	Hệ thống pccc	2024-2025	318/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.664	1.664	700	700	850	850	850	850			
34	Hệ thống PCCC Trường mẫu giáo Thành Long - Cơ sở 1; 2	Ban QLDA ĐTXD	Thành Long	Hệ thống pccc	2024-2025	319/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.507	1.507	800	800	500	500	500	500			
37	Xây mới nhà khách BCHQS huyện	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn Châu Thành	xây mới	2024-2025	439/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	998	998	960	960	15	15	15	15			
38	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, kho lưu trữ, nhà bếp UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	Cải tạo sửa chữa	2024-2025	328/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	3.203	3.203	1.950	1.950	1.100	1.100	1.100	1.100			
39	Cải tạo nhà làm việc Huyện ủy, khối phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn Châu Thành	- Cải tạo khối nhà Huyện ủy - Cải tạo Khối Phòng họp Ban chấp	2024-2026	437/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	1.141	1.141	600	600	348	348	348	348			
40	Trang bị bàn ghế Trường THCS Ninh Điền	Ban QLDA ĐTXD	xã Ninh Điền	Trang bị bàn ghế 10 phòng học	2024-2026	446/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	380	380	200	200	99	99	99	99			
41	Trường Tiểu học Giồng Nân (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	xã Long Vĩnh	Xây 04 phòng học lầu, thiết bị	2024-2025	204/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	6.450	6.450	4.900	4.900	238	238	238	238	Nguồn thu khác (các khoản đóng góp tự nguyện)		
42	Sở Chỉ huy Thống nhất huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh (mật danh: SCT -21)	BCHQS huyện	xã An Bình	xây mới hầm đảm bảo, hầm thông tin trong khu vực hậu phương	2023 - 2025	Quyết định số 03/QĐ-QK ngày 10/01/2023 của Tư lệnh Quân khu 7	8.450	8.450	2.500	2.500	3.500	3.500	3.500	3.500	Công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng hàng mục dự án		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						Tổng số		Tổng số	Trong đó:
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025						25.219	25.219	-	-	24.745	24.745	15.711	15.711			
1	Trang bị bàn ghế Trường TH Hào Đức A	Ban QLDA ĐTXD	xã Hào Đức	Thay thế bàn ghế học sinh hư hỏng đã xuống cấp 05 phòng học. (Bàn ghế đôi, mỗi lớp 18 bộ)	2024-2026	439/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	200	200			200	200	140	140			
2	Sân nền Trường THCS Trí Bình	Ban QLDA ĐTXD	xã Trí Bình	Sân chơi cho học sinh gồm: Sân đá mi sẽ làm sân BTXM: 800 m2.	2024-2026	465/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	524	524			350	350	245	245			
3	Xây mới 02 phòng học, 01 phòng tin học công nghệ, 01 phòng kho, Trường Mầm non Thanh Điền (điểm Thanh Phước).	Ban QLDA ĐTXD	xã Thanh Điền	Xây mới 01 nhà kho, 01 Phòng tin học và 02 phòng học cho trẻ	2024-2026	421/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	3.300	3.300			3.300	3.300	2.310	2.310			
4	Cải tạo Trường TH Thị Trấn Châu Thành A	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	Sửa chữa các nhà vệ sinh, mở rộng nhà ăn của học sinh.	2024-2026	482/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	900	900			600	600	420	420			
5	Cải tạo Trường TH Đỗ Tấn Nhiên (02 điểm trường)	Ban QLDA ĐTXD	xã An Bình	- Điểm trường Đỗ Tấn Nhiên: Dặm và sơn P các phòng học xuống cấp. - Điểm trường Thanh An: cải tạo hàng rào mặt chính.	2024-2026	487/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	1.200	1.200			1.200	1.200	840	840			
6	Trường THCS Thị Trấn (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	Dặm và sơn P những vị trí hư hỏng bong tróc. Xây nhà thi đấu đa năng, xây 01 phòng truyền thống	2024-2026	481/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	4.000	4.000			4.000	4.000	2.500	2.500			
7	Sân nền, mương thoát nước phía sau Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	Lát gạch terrazzo sân nền phía sau (khoảng 1000m2). Sửa chữa, đấu nối hệ thống mương, cống thoát nước chống ngập phía sau P. Giáo dục, thiết bị hội trường	2024-2026	486/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	700	700			700	700	500	500			
8	Đường liên xã Hào Đức - Đồng Khởi (đường vào cầu Hạnh phúc)	Ban QLDA ĐTXD	Hào Đức-Đồng Khởi	Qui mô: dài 1.553,37m, mặt đường cấp phối đá đã đầm rộng 3,5m	2024-2026	454/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 (CTrĐT)	3.023	3.023			3.023	3.023	2.500	2.500			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN	Trong đó: vốn NSNN				
							Tổng số	Trong đó: vốn NSNN						Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN
9	Sửa chữa nhà ở dân quân, nhà vệ sinh Ban CHQS huyện.	Ban CHQS huyện.	Thị trấn Châu Thành.	nâng cấp, sửa chữa	2024-2026	905/QĐ-2BND 20/12/2021 (CTrĐT)	1.500	1.500			1.500	1.500	1.000	1.000				
10	Sửa chữa 02 dãy nhà làm việc nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện	Ban CHQS huyện.	Thị trấn Châu Thành.	Nâng cấp, sửa chữa	2024-2026	903/QĐ-2BND 20/12/2021 (CTrĐT)	1.200	1.200			1.200	1.200	800	800				
10	Sửa chữa Đường huyện 11B	BQLDA huyện	xã Trí Bình và Hào Đức	- Tổng chiều dài nâng cấp sửa chữa 2.586,5m; ô gà dầm và bằng đá 4 ×6 chèn đá dầm; mặt đường thảm BTNN C12,5 rộng 6m; Lề sỏi đỏ rộng 1,5m ×2	2024-2025	Số 309/QĐ-UBND ngày 30/07/2024	8.672	8.672			8.672	8.672	4.456	4.456				
	Các dự án dự kiến đầu tư năm 2025 chưa đảm bảo cân đối, sẽ bố trí theo thứ tự ưu tiên khi có nguồn cân đối																	
1	Di tích Khu lưu niệm Dương Minh Châu xã Ninh Điền	Ban QLDA ĐTXD	xã Ninh Điền	Xây dựng hàng rào	2024-2025	834/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	200	200										
2	Xây mới nhà làm việc BCHQS xã An Cơ	BCHQS huyện	An Cơ	xây mới do di dời vị trí mới	2023-2025	499/QĐ-UBND 18/12/2024	3.492	3.492										

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024		Nhu cầu kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Trong đó: vốn NSNN			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN								Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn NSNN
3	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường đại đội bộ binh 40 huyện Châu Thành,	BCHQS huyện	Thành Long	Nâng cấp, sửa chữa	2023-2025	897/QĐ-UBND 20/12/2021 (CTrĐT)	1.800	1.800											
4	Xây mới nhà ở chột dân quân Tân Long xã Biên Giới	BCHQS huyện	xã Biên Giới	xây mới	2023-2025	907/QĐ-UBND 20/12/2021 (CTrĐT)	1.200	1.200											
5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khối: Mặt trận Tổ quốc - Huyện Ủy - UBND huyện	7921845	Thị trấn Châu Thành	Xây dựng mới	2024-2025	386/QĐ-UBND 14/7/2021 (CTrĐT)	4.000	4.000											

